

	TỔNG CÔNG TY SONADEZI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI			
	CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM			

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Trần Biên, CS: 36.000m ³ /ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P. Long Bình, CS: 30.000m ³ /ngày)		CNCN Thiện Tân (Trạm Thiện Tân ĐĐ: P. Long Bình, CS: 200.000m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 1	A	8	100	5	100	17	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Thiện Tân (Trạm Nhơn Trạch ĐĐ: P. Long Bình, CS: 100.000m ³ /ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: P. Trảng Dài, CS: 15.000m ³ /ngày)		CNCN Long Thành (ĐĐ: xã Long Thành)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 1	A	4	100	/	/	6	100	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC HỒ**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: Hồ trị An, CS: 4.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Lè, CS: 7.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Suối Soong, CS: 4.200m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 1	A	/	/	/	/	/	/	/	/	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: **NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: xã Bàu Hàm)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Tân Phú, CS: 2.500m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Sông Ray, CS: 130m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 1	A	/	/	/	/	/	/	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 18 tháng 03 năm 2026

TU. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM



MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2026

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 1 THÁNG 03 NĂM 2026

QCVN 01-1: 2024/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
1	Chi nhánh cấp nước Thuận Tân.	Trạm Thuận Tân	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Thuận Tân.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.17	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.60	0.07	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
2			Nước sinh hoạt.	UBND phường Trảng Dài – Số 462 Bùi Trọng Nghĩa, KP3A, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.12	0.19	Không có mùi lạ	0.90	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.40	0.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
3			Nước sinh hoạt.	Công an tỉnh Đồng Nai – KCN Biên Hòa I, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.26	0.12	Không có mùi lạ	0.58	0.045	0.30	0.81	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
4			Nước sinh hoạt.	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.10	Không có mùi lạ	0.65	0.209	0.35	1.18	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
5			Nước sinh hoạt.	KCN Hố Nai – Phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.12	Không có mùi lạ	1.16	0.109	0.40	0.96	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
6	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Công an phường Tam Hiệp – Số 42 Lê Thoa, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.11	Không có mùi lạ	0.77	0.049	0.30	0.15	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
7			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 60 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.15	0.14	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.35	0.15	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
8			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 13D3, KP. Bình Dương, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.15	0.12	Không có mùi lạ	0.97	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.35	0.15	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
9			Nước sinh hoạt.	Phòng khám đa khoa nhi Sài Gòn – Số 185 đường Phan Trung, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.15	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.40	0.07	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
10			Nước sinh hoạt.	Tổng công ty Sonadezi – Số 1, đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.13	0.11	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.25	0.15	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
11			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D400, trạm bơm tăng áp Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.13	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.40	0.07	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Công an phường Trảng Dài – Số 246 đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.15	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.50	0.96	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	Trạm y tế phường Long Bình – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.28	0.14	Không có mùi lạ	0.65	0.068	0.30	1.11	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
14	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Trung tâm hành chính công phường Tam Hiệp – Số 147 đường Trần Quốc Toàn, KP3, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.18	Không có mùi lạ	0.65	0.077	0.35	1.04	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
15			Nước sinh hoạt.	Bệnh viện 7B – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.33	Không có mùi lạ	0.77	0.073	0.45	0.96	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
16			Nước sinh hoạt.	Bệnh viện tâm thần TW2 - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	6.87	0.20	Không có mùi lạ	0.58	0.122	0.40	1.11	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
17			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 12A18, đường Trần Quốc Toàn, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.18	Không có mùi lạ	1.29	0.119	0.35	1.04	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
18	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Nhơn Trạch	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Nhơn Trạch.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.13	Không có mùi lạ	1.10	0.052	0.55	KPH	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
19			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ điện tử D500, KCN Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.12	Không có mùi lạ	0.65	0.067	0.60	0.96	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
20			Nước sinh hoạt.	Trụ cứu hòa số 1, KCN Loteco, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	6.99	0.11	Không có mùi lạ	0.65	0.046	0.60	1.63	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
21			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 201, QL15, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 16/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.09	0.20	Không có mùi lạ	0.97	0.073	0.20	0.70	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
22	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Biên Hoà.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.11	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.40	0.15	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
23		Nước sinh hoạt.	Khu du lịch Bửu Long - Đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.10	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.25	0.07	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
24		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – F1, hẻm 120, đường Hà Huy Giáp, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.04	0.11	Không có mùi lạ	0.77	0.041	0.40	0.07	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
25		Nước sinh hoạt.	Ban chỉ huy quân sự phường Trăn Biên – Số 86, Nguyễn Văn Hoa, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.13	Không có mùi lạ	0.65	0.062	0.30	KPH	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
26		Nước sinh hoạt.	UBND phường Trăn Biên – Số 76, Hưng Đạo Vương, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.00	0.11	Không có mùi lạ	0.71	0.041	0.30	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
27		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Đường Đỗ Văn Thi, khu phố Nhị Hòa, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.23	0.11	Không có mùi lạ	0.52	0.049	0.40	0.29	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
28		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Đường D5/ Võ Thị Sáu, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	0.21	Không có mùi lạ	0.65	0.065	0.35	0.89	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
29		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 122 CMT8, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	6.94	0.16	Không có mùi lạ	0.52	0.046	0.40	1.04	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
30	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Trạm Long Bình	Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Long Bình.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.07	0.58	Không có mùi lạ	1.10	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.55	0.40	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
31			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – E2, đường Yết Kiêu, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.10	1.51	Không có mùi lạ	1.23	0.107	0.40	1.55	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
32			Nước sinh hoạt.	Tăng áp Thiện Tân 2 - Đường Điều Xiển, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.	03/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.06	0.38	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.55	KPH	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
33			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Hẻm 313 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai (gần bệnh viện Âu Cơ).	04/03/2026 - 06/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.03	0.77	Không có mùi lạ	1.03	0.108	0.35	0.96	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
34			Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 91 đường QL1A, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai (cạnh Công an phường Hồ Nai).	04/03/2026 - 18/03/2026	TCVN 6663-5:2009	7.02	0.73	Không có mùi lạ	0.97	0.089	0.50	1.55	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
35	Chi nhánh cấp nước Long Thành.	Nước sinh hoạt.	Trạm bơm Nhơn Trạch.	03/03/2026 - 06/03/2026	-	7.07	0.10	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.54	0.59	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
36			Ngã tư Tín Nghĩa	03/03/2026 - 06/03/2026	-	7.08	0.12	Không có mùi lạ	0.58	0.048	0.59	0.59	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
37			Công ty Vỹ Lợi - KCN 2.	03/03/2026 - 06/03/2026	-	7.07	0.25	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.60	0.59	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
38			KCN Long Thành.	03/03/2026 - 06/03/2026	-	7.19	0.12	Không có mùi lạ	0.58	0.042	0.30	0.67	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
39	Chi nhánh cấp nước Long Thành.	Nước sinh hoạt.	UBND xã Long Thành.	03/03/2026 - 16/03/2026	-	7.26	0.13	Không có mùi lạ	0.65	0.048	0.30	0.81	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
40		Nước sinh hoạt.	Trạm bơm Tam Phước.	03/03/2026 - 16/03/2026	-	7.05	0.12	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ= 0.039)	0.40	0.89	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

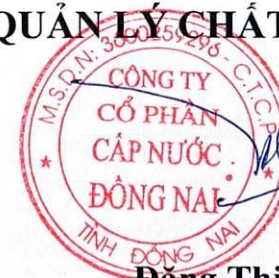
Ghi chú:

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Dấu (/) : Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 18 tháng 03 năm 2026

TU. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm